

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN KHU 9**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2021/HS-ST
Ngày 24-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 9

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3// Nguyễn Tấn A

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Đoàn Vũ C;

1// Trần Hoàng T;

- Thư ký phiên tòa: 3/ Quách Hữu N - Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 9.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 9 tham gia phiên tòa:

2// Nguyễn Văn D - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021 tại Phòng xử án, Tòa án quân sự Quân khu 9 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Chung Quốc T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 26 tháng 7 năm 1968, tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp H1, xã L1, huyện H1, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở hiện nay: Số 680/13B, đường T2, phường L2, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Giám sát công trình; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chung Xiêu L (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; có vợ là Dương Hồng L1 và có 02 con (lớn sinh năm 1997, nhỏ năm 2004); tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính và xử lý kỷ luật lần nào; bị tạm giam từ ngày 05/01/2021 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam H85 – Quân khu 9; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Dương Hồng L1, sinh năm 1970; nghề nghiệp: Nội trợ; nơi cư trú: Số 680/13B đường T2, phường L2, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; có mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Nguyễn Văn A; có mặt.
2. Tạ Thanh H; có mặt.
3. Nguyễn Thị T1; vắng mặt.
4. Hồ Trung T2; vắng mặt.
5. Nguyễn Thị Hồng N1; vắng mặt.
6. Đinh Văn T3; vắng mặt.
7. Nguyễn Văn T4; vắng mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi được BT BQP phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình doanh trại F4 – QK9. Ngày 29/9/2012, F4 đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV 622 - QK9 (gọi tắt là Công ty 622) thi công gói thầu số 1 với hạng mục là san nền bằng cát và sân đường bê tông công trình F4. Đến ngày 30/6/2015, F4 ký tiếp hợp đồng với Công ty 622 thi công gói thầu số 9, hạng mục san nền bằng cát và sân bê tông công trình D4, E10, F4. Sau khi ký các hợp đồng, Công ty 622 quyết định giao 02 gói thầu này cho Xí nghiệp TĐ trực tiếp thi công (Xí nghiệp do Nguyễn Văn A làm Giám đốc và Tạ Thanh H làm Phó giám đốc).

Ngày 18/6/2012, F4 ký hợp đồng giám sát với Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng KG với nội dung là giám sát công trình xây dựng công trình doanh trại F4 và đến ngày 30/6/2015 hai bên tiếp tục ký hợp đồng giám sát với nội dung là giám sát thi công xây dựng công trình doanh trại D4, E10, F4.

Sau khi ký hợp đồng với F4, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng KG đã ra quyết định phân công cán bộ gồm: Chung Quốc T, Nguyễn Văn T4 và Nguyễn Thế H1 giám sát hai công trình trên, trong đó Chung Quốc T là người giám sát trực tiếp tại công trình.

Trong quá trình giám sát, Chung Quốc T thấy đơn vị thi công không thực hiện đúng theo dự toán thiết kế là phải san lấp mặt bằng bằng máy đầm 9 tấn (xe lu lèn), độ chặt yêu cầu = 0,9 nên Chung Quốc T nói với Tạ Thanh H là những nội dung không thi công sẽ không được ký xác nhận quyết toán với chủ đầu tư.

Tạ Thanh H báo cáo với Nguyễn Văn A về nội dung trên, Nguyễn Văn A chỉ đạo cho Tạ Thanh H là trực tiếp gặp để trao đổi và nhờ Chung Quốc T bỏ qua, sau đó sẽ gửi chi phí (hồi lộ) cho Chung Quốc T, Chung Quốc T đồng ý.

Để giúp cho đơn vị thi công, Chung Quốc T đã hoàn thiện sổ nhật ký công trình, nhật ký giám sát có ghi phần nội dung lu lèn bằng máy đầm 9 tấn (mặc dù hạng mục này đơn vị thi công không thực hiện) và ký vào biên bản nghiệm thu nội bộ, nghiệm thu giai đoạn và biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành.

Đến khi công trình hoàn thành, theo đề nghị của Tạ Thanh H, Chung Quốc T đã ký xác nhận vào hồ sơ quyết toán với chủ đầu tư là có hạng mục: “San đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 9T, độ chặt yêu cầu $K=0,9$ ” mặc dù đơn vị thi công không thực hiện. Nội dung ký sai lệch hồ sơ quyết toán với chủ đầu tư, Chung Quốc T không báo cáo với Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng KG.

Đối với đơn vị thi công, theo sự chỉ đạo của Nguyễn Văn A, Tạ Thanh H đã tự mình và nhờ những người khác đang công tác tại Xí nghiệp TĐ là Nguyễn Thị T1, Hồ Trung T2, Nguyễn Thị Hồng N1 và Đinh Văn T3 đã 07 lần chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Chung Quốc T và của Dương Hồng L1, là vợ của Chung Quốc T với tổng số tiền là 100.000.000đ; cụ thể: Ngày 18/11/2014, Nguyễn Thị T1 chuyển tiền vào tài khoản của Chung Quốc T 20.000.000đ; ngày 04/5/2015, Hồ Trung T2 chuyển tiền vào tài khoản của Dương Hồng L1 10.000.000đ; ngày 04/6/2015, Nguyễn Thị T1 chuyển tiền vào tài khoản của Chung Quốc T 10.000.000đ; ngày 27/8/2015, Nguyễn Thị T1 chuyển tiền vào tài khoản của Dương Hồng L1 10.000.000đ; ngày 25/9/2015, Tạ Thanh H chuyển tiền vào tài khoản của Dương Hồng L1 10.000.000đ; ngày 05/02/2016, Nguyễn Thị Hồng N1 chuyển tiền vào tài khoản của Dương Hồng L1 30.000.000đ và ngày 01/4/2016, Đinh Văn T3 chuyển tiền vào tài khoản của Dương Hồng L1 10.000.000đ.

Đối với Chung Quốc T, sau khi biết được Nguyễn Văn A và Tạ Thanh H bị khởi tố và bị bắt tạm giam về hành vi tham ô tài sản và đưa hồi lộ thì ngày 03/3/2020 đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 18/3/2020 Cơ quan ĐTHS QK9 ra quyết định truy nã. Đến ngày 05/01/2021 Chung Quốc T bị bắt tại ấp T3, xã Q3, huyện G3, tỉnh Bến Tre (bắt theo lệnh truy nã).

Lời khai của bị cáo Chung Quốc T tại phiên tòa: Trong quá trình giám sát thi công tại công trình F4 và D4, E10, F4, khi phát hiện đơn vị thi công không thực hiện đúng như dự toán thiết kế là phần san đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 9 tấn, độ chặt $K=0,9$, bị cáo gặp trực tiếp Tạ Thanh H nói là những hạng mục không thi công sẽ không ký xác nhận vào hồ sơ quyết toán. Tạ Thanh H nhờ bị cáo bỏ qua và không báo với chủ đầu tư thì sẽ bồi dưỡng bị cáo đồng ý. Bị cáo

có nhận tiền của đơn vị thi công 07 lần với tổng cộng là 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ đơn vị thi công, bị cáo đã ký xác nhận là đơn vị thi công có thực hiện những hạng mục như dự toán thiết kế mặc dù những hạng mục này đơn vị thi công không thực hiện.

Lời khai của người làm chứng Tạ Thanh H tại phiên tòa: Trong quá trình giám sát tại công trình F4 và công trình D4, E10, F4, Chung Quốc T phát hiện hạng mục san đầm mặt bằng bằng máy đầm 09T, độ chặt $K=0,9$ đơn vị thi công không thực hiện theo đúng dự toán thiết kế nên T nói với tôi là những hạng mục không làm thì Chung Quốc T sẽ không ký xác nhận quyết toán với chủ đầu tư. Tôi báo cáo với ông Nguyễn Văn A nội dung trên, ông Nguyễn Văn A chỉ đạo tôi gặp Chung Quốc T để trao đổi, xin Chung Quốc T bỏ qua và ký xác nhận là đơn vị thi công có thực hiện hạng mục trên để quyết toán với chủ đầu tư và sẽ gửi tiền cho Chung Quốc T. Tôi thực hiện đúng theo sự chỉ đạo của ông Nguyễn Văn A là gặp Chung Quốc T để trao đổi, T đồng ý yêu cầu của tôi. Tôi báo cáo lại với ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn A chỉ đạo tôi chuyển tiền cho Chung Quốc T. Tôi có chuyển một lần, những lần còn lại tôi nhờ Nguyễn Thị T1, Hồ Trung T2, Nguyễn Thị Hồng N1 và Đinh Văn T3 là những người công tác cùng xí nghiệp TĐ chuyển dùm cho Chung Quốc T. Khi nhờ những người khác chuyển tiền thì tôi đưa số tiền và ghi số tài khoản của Chung Quốc T hoặc của vợ Chung Quốc T để họ chuyển, tôi không nói cho họ biết mục đích chuyển.

Lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn A tại phiên tòa: Khi Chung Quốc T nhắc nhở là sẽ không ký quyết toán các hạng mục mà nhà thầu không thực hiện theo thiết kế nên H đã điện thoại báo cáo cho tôi biết, tôi chỉ đạo cho Tạ Thanh H là trực tiếp trao đổi và bồi dưỡng chi phí cho Chung Quốc T để được Chung Quốc T ký xác nhận các tài liệu liên quan để quyết toán với chủ đầu tư. Tôi chỉ đạo cho T1 là thủ quỹ của xí nghiệp đưa tiền trực tiếp cho Tạ Thanh H để Tạ Thanh H chuyển cho Chung Quốc T tổng cộng là 100.000.000 đồng, số tiền này là của cá nhân tôi mượn của xí nghiệp và hiện đã hoàn trả xong cho xí nghiệp.

Sao kê tại Ngân hàng MB Chi nhánh KG xác định: Ngày 18/11/2014 Nguyễn Thị T1 nộp vào tài khoản của Chung Quốc T 20.000.000đ; ngày 04/6/2015 Nguyễn Thị T1 nộp vào tài khoản của Chung Quốc T 10.000.000đ (BL 47; 51).

Sao kê tại Ngân hàng AgriBank CN KG xác định: 04/5/2014 Hồ Trung T2 nộp vào tài khoản của Dương Hồng L1 10.000.000 đồng; 27/8/2015 Nguyễn Thị T1 nộp vào tài khoản của Dương Hồng L1 10.000.000 đồng; 25/9/2015 Tạ Thanh H nộp vào tài khoản của Dương Hồng L1 10.000.000 đồng; 05/02/2016 Nguyễn Thị Hồng N1 nộp vào tài khoản của Dương Hồng L1 30.000.000đ và 01/4/2016 Đinh Văn T3 nộp vào tài khoản của Dương Hồng L1 10.000.000đ (BL 56; 57).

Lời khai của người làm chứng Hồ Trung T2, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Hồng N1 và Đinh Văn T3 tại Cơ quan Điều tra đều cho rằng việc chuyển tiền cho Chung Quốc T và Dương Hồng L1 là do Tạ Thanh H chỉ đạo. Cụ thể, trước khi chuyển tiền thì Tạ Thanh H đưa số tiền và ghi sẵn ra giấy số tài khoản tại ngân hàng của người nhận tiền nên tất cả đều không biết số tiền đó Tạ Thanh H lấy từ đâu và chuyển nhằm mục đích gì (BL 576, 578, 579, 596, 602).

Dương Hồng L1 khai tại phiên tòa: Tài khoản tại ngân hàng của tôi là do chồng tôi là anh Chung Quốc T mở, tôi chỉ đứng tên, thẻ tín dụng do anh Chung Quốc T quản lý và sử dụng cho nên việc người khác chuyển tiền vào tài khoản của tôi thì tôi không hề hay biết. Do đó, việc chồng tôi có nhận tiền từ Xí nghiệp TĐ để làm sai lệch hồ sơ quyết toán tôi hoàn toàn không biết. Sau khi sự việc xảy ra, ngày 15/01/2021 tôi nộp cho Cơ quan Điều tra 70.000.000 đồng và ngày 25/02/2021 tôi tiếp tục nộp cho Cơ quan Điều tra 30.000.000 đồng. Đây là số tiền tôi nộp thay cho chồng tôi để trả lại cho Nhà nước và tôi không yêu cầu gì về số tiền này.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSQK9-B1 ngày 30 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát quân sự QK9 truy tố bị cáo Chung Quốc T về tội “*Nhận hối lộ*” theo các điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với Chung Quốc T về tội “*Nhận hối lộ*” theo các điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm c, đ khoản 2 Điều 354; các điểm s, v khoản 1; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, xử phạt bị cáo từ 04 đến 06 năm tù. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 32; Điều 41 và khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự cấm bị cáo Chung Quốc T làm công việc liên quan đến giám sát công trình trong thời hạn từ 02 đến 03 năm, kể từ ngày chấp hành xong án phạt tù.

Về biện pháp tư pháp, đối với số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo Chung Quốc T nhận hối lộ, đây là số tiền do phạm tội mà có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Ghi nhận bị cáo đã tác động gia đình nộp đủ số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa và không có ý kiến bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự QK9, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự QK9, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Chung Quốc T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp như nội dung bản Cáo trạng và lời khai của những người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, cụ thể: Trong quá trình giám sát thi công tại công trình F4 và công trình D4, D10, F4 khi phát hiện đơn vị thi công không thực hiện phần san đầm đất mặt bằng bằng máy đầm 9 tấn, độ chắc $K = 0,9$ như dự toán thiết kế thì tôi gặp trực tiếp Tạ Thanh H là Phó giám đốc Xí nghiệp TĐ phụ trách kỹ thuật tại công trình và nói là những phần không thực hiện theo dự toán thiết kế sẽ không ký xác nhận quyết toán. H có nhờ tôi là bỏ qua và không báo với chủ đầu tư thì sẽ được bồi dưỡng, tôi đồng ý. Từ năm 2014 đến năm 2016, người của Xí nghiệp TĐ đã 07 lần chuyển tiền vào tài khoản của tôi và tài khoản của vợ tôi là Dương Hồng L1 tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Để thực hiện lời hứa, tôi đã không báo cáo với chủ đầu tư, không báo cáo với Công ty Tư vấn thiết kế xây dựng KG những nội dung mà đơn vị thi công không thực hiện theo đúng dự toán thiết kế. Sau đó, tôi ký xác nhận với nội dung là đơn vị thi công có thực hiện các hạng mục trên vào biên bản, hồ sơ đề nghị quyết toán với chủ đầu tư. Số tiền 100.000.000 đồng nhận từ đơn vị thi công tôi sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân.

Căn cứ vào diễn biến của các tình tiết vụ án, xét thấy: Chung Quốc T là giám sát viên được công ty giao nhiệm vụ trực tiếp giám sát tại công trình F4 và công trình D4, E10, F4. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, khi phát hiện đơn vị thi công thực hiện không đúng như dự toán thiết kế ban đầu, đáng lẽ ra Chung Quốc T phải báo cáo những sai sót này cho chủ đầu tư và cho công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng KG biết để xử lý. Nhưng chỉ vì lợi ích vật chất nên sau khi nhận tiền từ phía đơn vị thi công, mặc dù Chung Quốc T biết rõ những hạng mục mà đơn vị thi công không thực hiện nhưng vẫn ký xác nhận để nhà thầu quyết toán với chủ đầu tư những hạng mục không thi công. Hành

vi của bị cáo Chung Quốc T đã đủ yếu tố cấu thành tội tội “*Nhận hối lộ*”. Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra từ tháng 11 năm 2014 đến tháng 4 năm 2016 nhưng đến năm 2020 mới bị phát hiện. Do đó, để đảm bảo có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 áp dụng Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Bị cáo Chung Quốc T đã có 07 lần nhận của Nguyễn Văn A mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm và tổng số tiền nhận hối lộ là 100.000.000 đồng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ thi hành của bị cáo đã phạm vào các điểm c, đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật Hình sự với tình tiết là: “Tiền nhận hối lộ có giá trị từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” và “Phạm tội 02 lần trở lên”.

[3] Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà Chung Quốc T gây ra là rất nghiêm trọng. Bị cáo là người được công ty giao nhiệm vụ là trực tiếp giám sát tại công trình nhưng vì lợi ích cá nhân, bị cáo đã lợi dụng quyền hạn được giao đã có hành vi nhận tiền của phía đơn vị thi công để ký xác nhận không những hạng mục mà đơn vị thi công không thực hiện, để hợp thức hóa hồ sơ quyết toán với chủ đầu tư. Hành vi đó đã vi phạm pháp luật Nhà nước, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan, tổ chức; xâm hại các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, làm tha hóa, biến chất cán bộ và làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình quân sự.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Đối với Chung Quốc T, sau khi bị bắt và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận hối lộ. Trong quá trình công tác, bị cáo đã có nhiều thành tích nhất định, nhiều năm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh KG tặng Bằng khen và nhiều danh hiệu cao quý khác. Ngoài ra, cha ruột của bị cáo là ông Chung Xiêu L đã có nhiều cống hiến cho cách mạng, được Chủ tịch nước tặng Huy chương Kháng chiến hạng Nhì. Do đó, áp dụng các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Xét thấy, đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt

mà bị cáo bị truy tố, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Cần áp dụng Điều 41 và khoản 5 Điều 354 BLHS, cấm bị cáo làm những công việc giám sát công trình xây dựng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

[5] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, điều luật áp dụng, mức hình phạt, biện pháp tư pháp đối với bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà bị cáo Chung Quốc T nhận từ Xí nghiệp TĐ, đây là số tiền do phạm tội mà có. Do đó, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Ghi nhận bà Dương Hồng L1 là vợ của bị cáo đã nộp lại cho Nhà nước toàn bộ số tiền trên (theo biên lai thu tiền ngày 23/02/2021 và ngày 25/02/2021 của Phòng thi hành án QK9).

Bà Dương Hồng L1 không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền trên nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Chung Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Chung Quốc T phạm tội “*Nhận hối lộ*”.

Áp dụng các điểm c, đ khoản 2 Điều 354; các điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Chung Quốc T 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam (ngày 05 tháng 01 năm 2021).

Áp dụng Điều 41, khoản 5 Điều 354 BLHS, cấm bị cáo Chung Quốc T hành nghề giám sát công trình trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về Biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng) do bị cáo phạm tội mà có. Ghi nhận bà Dương Hồng L1 là vợ của bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền trên cho Nhà nước theo Biên lai thu tiền ngày 23/02/2021 và ngày 25/02/2021 của Phòng thi hành án QK9.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Chung Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

4. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 6 năm 2021) bị cáo và đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Trung ương./.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- NCQLNVLQĐVA (01);
- VKSQSQK9 (01);
- VKSQSTW (01);
- Cơ quan ĐTHSQK9 (01);
- Cơ quan THAHSQK9 (01);
- Trại giam H85 - QK9 (01);
- Phòng THA QK9 (01);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

3// Nguyễn Tấn A